

Số: *221* /BC-UBND

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO BỔ SUNG, GIẢI TRÌNH
Thẩm tra của các ban HĐND Thành phố về
“Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2019”

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố báo cáo số 192/BC-UBND ngày 19/6/2019 về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2019. Các Ban HĐND Thành phố đã thẩm tra tại các báo cáo: số 34/BC-HĐND ngày 01/7/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách; số 43/BC-HĐND ngày 02/7/2019 của Ban Đô thị; số 41/BC-HĐND ngày 02/7/2019 của Ban Văn hóa - Xã hội.

UBND Thành phố tiếp thu các ý kiến tại báo cáo thẩm tra của các ban HĐND Thành phố góp ý, đề nghị về những tồn tại, hạn chế và giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2019. Đối với một số nội dung đề nghị báo cáo bổ sung, giải trình, UBND Thành phố báo cáo cụ thể như sau:

I. BÁO CÁO THẨM TRA CỦA BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH

1. Kết quả thực hiện khuyến khích hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, chuyển đổi hộ kinh doanh cá thể thành doanh nghiệp theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố.

1.1. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 05/7/2018

Ngay sau khi Nghị quyết số 04/NQ-HĐND được ban hành, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới từ ngày 01/8/2018:

- Đẩy mạnh tuyên truyền các chính sách của Thành phố hỗ trợ DNNVV thành lập mới trên các phương tiện thông tin đại chúng, giao UBND các quận, huyện, thị xã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các xã, phường, thị trấn thực hiện tuyên truyền đến tất cả người dân, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố. Đồng thời đề nghị các quận ủy, huyện ủy, thị ủy đưa vào chương trình công tác của cấp ủy để chỉ đạo triển khai thực hiện.

- Bố trí kinh phí triển khai thực hiện hỗ trợ DNNVV thành lập mới gồm:
(1) Hỗ trợ phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp lần đầu: 300.000 đồng/1 doanh nghiệp; (2) Hỗ trợ kinh phí làm 01 (một) dấu pháp nhân: tối đa 300.000 đồng/1 doanh nghiệp; (3) Hỗ trợ kinh phí chuyển phát nhanh kết quả tại nhà:

khoảng 20.000 đồng/1 doanh nghiệp. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 620.000 đồng/doanh nghiệp.

- Ngoài ra, Sở Kế hoạch và Đầu tư còn triển khai các dịch vụ tiện ích cho doanh nghiệp: phối hợp với các ngân hàng thương mại, với đơn vị cung cấp chữ ký số công cộng để tích hợp các thủ tục hành chính; phối hợp đơn vị cung cấp phần mềm kế toán và dịch vụ kế toán để triển khai các chương trình tặng phần mềm kế toán và hỗ trợ công tác kế toán miễn phí đối với các doanh nghiệp mới thành lập trong giai đoạn 2018-2020.

1.2. Kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm 2019:

- Giúp doanh nghiệp giảm bớt các thủ tục hành chính (các thủ tục được tích hợp cùng thủ tục đăng ký doanh nghiệp), giảm số lần, giảm thời gian đi lại cho doanh nghiệp.

- Thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới: Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp cho 13.630 doanh nghiệp; Hỗ trợ kinh phí làm 01 (một) dấu pháp nhân cho 11.200 doanh nghiệp thành lập mới; Hỗ trợ kinh phí chuyển phát nhanh kết quả tại nhà cho 1.400 doanh nghiệp. Với số tiền hỗ trợ khoảng trên 7 tỷ đồng.

- Từ triển khai đồng bộ các chính sách, trong 6 tháng đầu năm số doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn đạt 13.630 doanh nghiệp tăng 9% so với cùng kỳ năm trước (trong đó có nhiều hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi lên thành lập doanh nghiệp).

Như vậy, qua gần một năm triển khai Nghị quyết số 04/NQ-HĐND đã đạt được một số kết quả tích cực, được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp gia nhập thị trường, giảm bớt các thủ tục hành chính (các thủ tục được tích hợp cùng thủ tục đăng ký doanh nghiệp): thủ tục công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo mẫu dấu, thông báo tài khoản ngân hàng; giảm số lần và thời gian đi lại cho doanh nghiệp; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp giảm được chi phí ban đầu thành lập doanh nghiệp (620.000đ/doanh nghiệp); Doanh nghiệp thành lập mới sớm hoàn tất các thủ tục để gia nhập thị trường thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, năm 2018 chỉ số gia nhập thị trường của Hà Nội (trong 10 chỉ số thành phần của PCI) tăng vượt bậc, tăng 56 bậc (từ xếp thứ 62 năm 2017 lên xếp thứ 6 năm 2018) góp phần tăng chỉ số PCI của Hà Nội lên xếp thứ 9 cả nước.

2. Nguyên nhân dẫn đến số lượng doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động tăng cao so với cùng kỳ trong khi Thành phố triển khai nhiều giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2018 (PCI) tăng 4 bậc.

- Trong 6 tháng đầu năm 2019, thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 13.630 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 166.730 tỷ đồng (tăng 9% về số lượng doanh nghiệp và tăng 17% vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước), thực hiện thủ tục giải thể cho 1.009 doanh nghiệp (tăng 36% so với cùng kỳ), 4.737 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động (tăng 21% so với cùng kỳ). Nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn thành

phố Hà Nội lên 267.293 doanh nghiệp. Số doanh nghiệp hoạt động trở lại là 3.207 doanh nghiệp (tăng 76% so với cùng kỳ). Số lượng hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2019 có 18 hộ, tăng gấp 3 lần so với số hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp trong năm 2018 (6 hộ chuyển đổi).

- Nhờ chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển doanh nghiệp thành lập mới, chuyển đổi hộ kinh doanh cá thể thành doanh nghiệp theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 và Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố, trong 6 tháng đầu năm 2019, trên địa bàn thành phố Hà Nội số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 9% so với cùng kỳ, số lượng này cho thấy dấu hiệu khởi sắc hơn so với cùng kỳ năm 2018 (6 tháng đầu năm 2018 tỷ lệ DN thành lập mới giảm 0,2% so với cùng kỳ năm 2017) và so với tỷ lệ tăng của năm 2018 (năm 2018 tỷ lệ DN thành lập mới tăng 3% so với năm 2017).

- Tỷ lệ doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng hoạt động trong 6 tháng đầu năm 2019 của Hà Nội tăng theo xu hướng chung của cả nước. Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động của Hà Nội tăng 21% so với cùng kỳ năm 2018, tuy nhiên tỷ lệ tăng thấp hơn so với tỷ lệ tăng của năm 2018 là 30%. Số doanh nghiệp giải thể của Hà Nội tăng 36% so với cùng kỳ năm 2018, tuy nhiên tỷ lệ tăng cao hơn so với tỷ lệ tăng của năm 2018 là 33%. Qua khảo sát nhanh hồ sơ doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, giải thể doanh nghiệp nộp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, nguyên nhân giải thể, tạm ngừng hoạt động chủ yếu do: (1) hoạt động kinh doanh không hiệu quả; (2) chuyển hướng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực khác; (3) khó khăn tiếp cận vốn; (4) khó khăn trong tiếp cận nguồn lực khác; (5) lý do khác. Các lý do khác gồm: không tìm được thị trường; không tìm được phương án kinh doanh; cơ cấu lại tổ chức doanh nghiệp; cơ cấu lại hoạt động kinh doanh; sáp nhập vào doanh nghiệp khác; quản lý điều hành không tập trung; tạm ngừng để tuyển nhân sự và tìm đối tác; không còn muốn kinh doanh... Ngoài ra, trong năm 2019, một số doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã thực hiện việc nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp cho thấy các doanh nghiệp đã có ý thức hơn trong việc chấp hành các quy định của pháp luật, dẫn đến số lượng doanh nghiệp giải thể 6 tháng đầu năm 2019 có tỷ lệ tăng cao hơn so với tốc độ tăng của năm 2018. Các doanh nghiệp giải thể, chấm dứt hoạt động của các doanh nghiệp cũ để thành lập doanh nghiệp và tìm phương hướng mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm thị trường.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, số doanh nghiệp hoạt động trở lại của Hà Nội tăng đột biến, đạt 76% so với cùng kỳ năm 2018, bằng 14,8% so với số lượng doanh nghiệp hoạt động trở lại của toàn quốc. Tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động trở lại tăng cao gấp nhiều lần so với các năm trước đó. Năm 2016, tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động trở lại tăng 26%, năm 2017 tăng 27% và năm 2018 giảm 1%.

Những dấu hiệu trên cho thấy bức tranh về tình hình đăng ký và hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội có nhiều dấu hiệu khởi sắc so với năm 2018.

3. Phân tích kỹ nguyên nhân chủ quan của các chỉ số thành phần thuộc chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) đạt rất thấp (Công khai, minh bạch; Trách nhiệm giải trình với người dân; tham gia của người dân ở cấp cơ sở; quản trị môi trường; Quản trị điện tử), một số chỉ số thành phần của PCI giảm điểm và xếp hạng thấp

3.1. Về chỉ số PAPI

Ngày 02/4/2019, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam phối hợp với một số tổ chức trong nước tổ chức lễ công bố Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) năm 2018. Trên cơ sở Báo cáo PAPI 2018, các nội dung liên quan của thành phố Hà Nội được đánh giá như sau:

3.1.1. Chỉ số tổng hợp PAPI năm 2018

a. Khái quát Chỉ số tổng hợp năm 2018

Từ trước năm 2018, Chỉ số tổng hợp PAPI được xác định trên 6 chỉ số nội dung. Năm 2018, Chỉ số tổng hợp PAPI năm 2018 được xác định trên 8 chỉ số nội dung (bổ sung thêm 02 chỉ số nội dung), mỗi chỉ số nội dung được xác định 10 điểm; tổng số 80 điểm:

- Tham gia của người dân ở cấp cơ sở.
- Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định.
- Trách nhiệm giải trình với người dân
- Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công
- Thủ tục hành chính công
- Cung ứng dịch vụ công
- Quản trị môi trường (Chỉ số nội dung mới được bổ sung vào khảo sát trong năm 2018)
- Quản trị điện tử (Chỉ số nội dung mới được bổ sung vào khảo sát trong năm 2018)

Năm 2018, Hà Nội có điểm số: 42,32/80; xếp thứ 53/63 tỉnh, thành phố cả nước, tăng 2 bậc so với năm 2017; tuy nhiên vẫn ở trong nhóm 4 gồm 16 tỉnh, thành phố thấp nhất cả nước¹. Tỉnh có điểm số cao nhất là Lạng Sơn và Bến Tre 47,05 điểm; Tỉnh có điểm số thấp nhất là Bình định 41,04 điểm; 2 tỉnh không xếp hạng do có sự tác động chủ quan của tỉnh đến kết quả khảo sát, dẫn đến số liệu không đáng tin cậy (Quảng Ninh và Đồng Tháp).

b. So sánh Chỉ số nội dung qua 3 năm

T T	Chỉ số nội dung	Điểm (tối đa 10 điểm)			Thuộc nhóm (Chia 4 nhóm)			Xếp thứ (trên 63 tỉnh, TP)		
		2016	2017	2018	2016	2017	2018	2016	2017	2018
1	Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	5,34	5,25	5,22	3	3	3	37	35	40

¹ Nhóm 1: Cao nhất; Nhóm 2: Trung bình cao; Nhóm 3: Trung bình thấp; Nhóm 4: Thấp nhất.

2	Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định	5,08	5,27	5,09	4	4	3	55	53	42
3	Trách nhiệm giải trình với người dân	4,26	4,61	4,61	4	4	4	60	53	58
4	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	5,24	5,52	6,08	4	4	4	58	54	55
5	Thủ tục hành chính công	7,09	6,97	7,50	2	4	2	33	51	19
6	Cung ứng dịch vụ công	6,80	7,02	6,93	3	3	3	45	35	46
7	Quản trị môi trường	-	-	3,58	-	-	4	-	-	62
8	Quản trị điện tử	-	-	3,32	-	-	2	-	-	18
	Chỉ số tổng hợp	33,81	34,63	42,32	4	4	4	58	55	53

Từ 2016 đến 2018, Chỉ số tổng hợp PAPI của Hà Nội tăng nhẹ qua mỗi năm (2 đến 3 bậc/năm). Trong đó:

- Chỉ số nội dung “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở” có xu hướng giảm nhẹ.

- Chỉ số nội dung “Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định” tương đối ổn định về điểm số, tuy nhiên xếp thứ hạng tăng so với các tỉnh, thành; từ nhóm 4 lên nhóm 3.

- Chỉ số nội dung “Trách nhiệm giải trình với người dân” có điểm số tăng nhẹ, xếp thứ hạng tăng nhẹ, tuy nhiên vẫn ở nhóm 4.

- Chỉ số nội dung “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công” có điểm số tăng nhẹ, xếp thứ hạng tăng nhẹ, tuy nhiên vẫn ở nhóm 4.

- Chỉ số nội dung “Thủ tục hành chính công” là chỉ số nội dung đạt điểm cao nhất trong 6 chỉ số nội dung, năm 2018 có sự tiến bộ vượt bậc từ nhóm 4 (2017) lên nhóm 2 (2018), xếp thứ 19/63 tỉnh, thành.

- Chỉ số nội dung “Cung ứng dịch vụ công” tương đối ổn định từ 2016 - 2018, nằm trong nhóm 3, xếp thứ 46/63 tỉnh, thành.

- Chỉ số nội dung “Quản trị môi trường” mới được đưa vào xác định trong năm 2018, Hà Nội đạt điểm số rất thấp (3,58/10 điểm), đứng thứ 62/63 tỉnh, thành.

- Chỉ số nội dung “Quản trị điện tử” mới được đưa vào xác định trong năm 2018, Hà Nội đạt điểm số rất thấp (3,32/10 điểm), nhưng xếp thứ 18/63 tỉnh, thành.

3.1.2. Phân tích các chỉ số nội dung năm 2018

(1) Chỉ số nội dung “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở”

Nội dung thành phần	Tri thức công dân (2.5đ)		Cơ hội tham gia (2.5đ)		Chất lượng bầu cử (2.5đ)		Đóng góp tự nguyện (2.5đ)		Điểm tổng -- (10đ)		
	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Xếp thứ
1	0,96	3	1.51	3	1.60	2	1.14	2	5,22	3	40

Chỉ số nội dung này đo lường tri thức công dân về quyền tham gia và mức độ hiệu quả của các cấp chính quyền trong việc tạo điều kiện để người dân thực hành tốt nhất quyền tham gia đó. Đối với Chỉ số nội dung này, Hà Nội xếp thứ 40/63 tỉnh, thành phố. Như vậy, tham gia của người dân ở cấp cơ sở vẫn ở mức trung bình.

Chia thành 4 nội dung thành phần:

- “*Tri thức công dân*” đánh giá sự hiểu biết về chính sách hiện hành của người dân, hiểu biết về các vị trí lãnh đạo chính quyền, trong hệ thống chính trị; đứng trong nhóm 3.

- “*Cơ hội tham gia*” đánh giá sự tham gia của người dân vào các tổ chức chính trị - chính trị - xã hội, đoàn thể; các tổ chức xã hội, nhóm, câu lạc bộ; tỷ lệ người đã trực tiếp tham gia bầu cử đại biểu HĐND các cấp, bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu trưởng thôn, tổ trưởng dân phố. Nội dung này Hà Nội đứng trong nhóm 3.

- “*Chất lượng bầu cử*” đánh giá việc bầu trưởng thôn, tổ trưởng dân phố có từ 2 ứng cử viên trở lên, tỷ lệ người dân được mời đi bầu cử trưởng thôn; việc bầu trưởng thôn bằng hình thức bỏ phiếu kín; kết quả bầu trưởng thôn được niêm yết công khai; chính quyền không gợi ý hoặc ép buộc ứng cử viên trưởng thôn; kết quả trúng cử trưởng thôn đúng người đã được bầu. Nội dung này Hà Nội xếp trong nhóm 2.

- “*Đóng góp tự nguyện*” đánh giá việc người dân tự nguyện đóng góp các khoản xây dựng, tu sửa công trình công cộng; có Ban Thanh tra nhân dân giám sát quá trình thực hiện; có ghi chép sổ sách rõ ràng; người dân được bàn, được tham gia ý kiến và được quyết định việc xây mới hoặc sửa chữa các công trình cộng đồng... Nội dung này Hà Nội trong nhóm 2.

(2) Chỉ số nội dung “*Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định*”

Nội dung thành phần	Tiếp cận thông tin (2.5đ)		CKMB hộ nghèo (2.5đ)		CKMB ngân sách xã, phường (2.5đ)		CKMB quy hoạch đất, giá đất (2.5đ)		Điểm tổng (10đ)		
	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Xếp thứ
2	0,78	3	1.72	3	1.29	3	1.29	3	5,09	3	42

Chỉ số này đo lường hiệu quả của chính quyền trong việc công khai hóa, minh bạch hóa thông tin nhằm đáp ứng quyền được biết của người dân về những chính sách có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và sinh kế của người dân. Đối với nội dung này, Hà Nội đạt 5,09 điểm, xếp thứ 42/63, thuộc nhóm 3.

Chia thành 4 nội dung thành phần:

- “*Tiếp cận thông tin*”: cho biết về tỷ lệ người dân đã tìm kiếm thông tin về chính sách, pháp luật từ chính quyền địa phương; tỷ lệ người dân đã nhận được

thông tin về chính sách, pháp luật từ chính quyền địa phương; tỷ lệ người dân đã nhận được thông tin hữu ích; tỷ lệ người dân đã nhận được thông tin từ chính quyền địa phương là đáng tin cậy; tỷ lệ người dân không phải trả chi phí cho thông tin từ phía chính quyền; tỷ lệ người dân không phải chờ đợi lâu mới lấy được thông tin. Nội dung này Hà Nội xếp trong nhóm 3.

- “*Công khai minh bạch danh sách hộ nghèo*” cho biết danh sách hộ nghèo đã được công khai ở cấp xã trong 12 tháng qua; việc hộ nghèo nhưng không được đưa vào danh sách và hộ không nghèo lại được đưa vào danh sách. Ở nội dung này, Hà Nội xếp trong nhóm 3.

- “*Công khai minh bạch ngân sách xã, phường*” đánh giá việc công khai thu chi ngân sách xã/phường; tỷ lệ người dân đã đọc bản công khai thu chi; tỷ lệ người dân tin vào tính chính xác của thu, chi ngân sách. Ở nội dung này, Hà Nội xếp trong nhóm 3.

- “*Công khai minh bạch quy hoạch đất, giá đất*” tỷ lệ người dân được biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện tại của địa phương; tỷ lệ người dân được góp ý cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; việc địa phương đã tiếp thu ý kiến của người dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tỷ lệ người dân bị ảnh hưởng kinh tế đối với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tỷ lệ người được đền bù tương đương giá đất thị trường; tỷ lệ người bị thu hồi đất được thông báo cụ thể về mục đích thu hồi đất; tỷ lệ người dân biết nơi cung cấp thông tin bảng giá đất được chính thức ban hành ở địa phương. Ở nội dung này, Hà Nội xếp trong nhóm 3.

(3) Chỉ số nội dung “*Trách nhiệm giải trình với người dân*”

Nội dung thành phần	Tương tác với chính quyền (3.33đ)		Giải quyết khiếu nại, tố cáo (3.33đ)		Tiếp cận dịch vụ tư pháp (3.33đ)		Điểm tổng (10đ)		
	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Xếp thứ
3	1,85	4	0,81	4	1,96	2	4,61	4	58

Chỉ số này đánh giá mức độ tương tác hiệu quả giữa chính quyền và người dân; hiệu quả của công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và hiệu quả dịch vụ tư pháp địa phương. Chỉ số nội dung này Hà Nội đạt 4,61/10 điểm, xếp thứ hạng thấp nhất trong 8 chỉ số nội dung 58/63, trong nhóm 4. Chia thành 3 nội dung thành phần:

- “*Tương tác với chính quyền*” đánh giá mức độ và hiệu quả trong tiếp xúc với chính quyền của người dân; cho biết tỷ lệ người dân được hỏi đã liên hệ trưởng thôn, tổ trưởng dân phố để giải quyết khúc mắc, trong đó đã giải quyết tốt; tỷ lệ người dân được hỏi đã liên hệ các đoàn thể để giải quyết khúc mắc, trong đó đã giải quyết tốt; tỷ lệ người dân được hỏi đã liên hệ cán bộ HĐND xã để giải quyết khúc mắc, trong đó đã giải quyết tốt. Nội dung thành phần này, Hà

Nội trong nhóm 4, cho thấy mức độ tin cậy của người dân đối với chính quyền còn thấp.

- “*Giải quyết khiếu nại, tố cáo, khúc mắc*” đánh giá tỷ lệ người dân đã gửi khuyến nghị, tố giác, tố cáo, khiếu nại tới chính quyền cấp xã; tỷ lệ người dân đã được phúc đáp thỏa đáng. Nội dung thành phần này, Hà Nội trong nhóm 4, cho thấy người dân chưa cảm thấy thỏa đáng đối với sự phục vụ của chính quyền trong nội dung này.

- “*Tiếp cận dịch vụ tư pháp*” cho thấy tỷ lệ người dân tin vào tòa án và các cơ quan tư pháp địa phương; tỷ lệ người dân cho biết sẽ sử dụng tòa án địa phương khi có tranh chấp dân sự; và tỷ lệ người dân cho biết sẽ sử dụng các biện pháp phi tòa án khi có tranh chấp dân sự. Hà Nội có điểm số khá, trong nhóm 2.

(4) Chỉ số nội dung “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”

Nội dung thành phần	KSTN trong chính quyền (2.5đ)		KSTN trong cung ứng DVC (2.5đ)		Công bằng trong tuyển dụng (2.5đ)		Quyết tâm phòng chống TN (2.5đ)		Điểm tổng (10đ)		
	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Xếp thứ
4	1,49	4	1.79	4	0.90	4	1.90	2	6,08	4	55

Chỉ số nội dung này đo lường đánh giá của người dân về hiệu quả phòng, chống tham nhũng của chính quyền các cấp. Chỉ số này Hà Nội đạt 6,08/10 điểm, xếp thứ 55/63 tỉnh, thành. Chia thành 4 nội dung thành phần:

- “*Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương*” đánh giá của người dân đối với việc cán bộ chính quyền dùng công quỹ vào mục đích riêng; tỷ lệ người dân phải chi thêm tiền mới nhận được: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng thực giấy tờ, giấy phép xây dựng, làm TTHC ở xã, phường. Nội dung thành phần này, Hà Nội trong nhóm 4, nhóm thấp nhất cả nước.

- “*Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công*” cho biết tỷ lệ người dân chi thêm tiền để được quan tâm khi khám chữa bệnh; để con em tiểu học được quan tâm hơn. Nội dung thành phần này, Hà Nội trong nhóm 4, nhóm thấp nhất cả nước.

- “*Công bằng trong tuyển dụng vào khu vực công*” cho biết tỷ lệ người dân chi tiền lót tay để được vào các cơ quan nhà nước; người dân cho rằng mỗi quan hệ cá nhân với người có chức quyền là quan trọng khi xin vào cơ quan nhà nước; Nội dung thành phần này, Hà Nội trong nhóm 4, nhóm thấp nhất cả nước.

- “*Quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương*” cho biết tỷ lệ người dân bị vòi vĩnh đòi hối lộ; tỷ lệ người dân biết về Luật phòng, chống tham nhũng; tỷ lệ người dân tin tưởng chính quyền địa phương đã xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng ở địa phương; tỷ lệ người bị vòi vĩnh đã tố cáo hành vi đòi hối lộ. Nội dung thành phần này, Hà Nội trong nhóm 2.

(5) Chỉ số nội dung “Thủ tục hành chính công”

Nội dung thành phần	Chứng thực, xác nhận (2.5đ)		Cấp phép xây dựng (2.5đ)		Cấp GCN quyền SDD (2.5đ)		TTHC cấp xã (2.5đ)		Điểm tổng (10đ)		
	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Xếp thứ
5	1.81	3	1.94	1	1.81	2	1.93	3	7.50	2	19

Chỉ số nội dung này đo lường chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công (mức độ chuyên nghiệp, khả năng đáp ứng) ở những lĩnh vực cấp thiết nhất cho đời sống người dân. Đây là chỉ số nội dung được xếp thứ hạng cao nhất của Hà Nội 19/63, trong nhóm 2. Chia thành 4 nội dung thành phần:

- “*Dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền địa phương*” ghi nhận đánh giá của người dân đối với chất lượng dịch vụ, mức độ hài lòng của người dân. Nội dung thành phần này, Hà Nội trong nhóm 3

- “*Dịch vụ cấp phép xây dựng*” cho biết tỷ lệ người dân phải qua nhiều cửa để làm thủ tục, tỷ lệ người dân đã nhận được giấy phép, chất lượng dịch vụ cấp giấy phép, mức độ hài lòng của người dân. Nội dung thành phần này được người dân đánh giá rất cao, trong nhóm 1.

- “*Dịch vụ cấp GCN quyền sử dụng đất*” cho biết tỷ lệ người dân phải qua nhiều cửa để làm thủ tục, tỷ lệ người dân đã nhận được giấy phép, chất lượng dịch vụ cấp giấy phép, mức độ hài lòng của người dân. Nội dung thành phần này được người dân đánh giá khá, trong nhóm 2.

- “*Dịch vụ hành chính cấp xã*” cho biết tỷ lệ người dân phải qua nhiều cửa để làm thủ tục, chất lượng dịch vụ hành chính, mức độ hài lòng của người dân. Nội dung thành phần này được người dân đánh giá trong nhóm 3.

(6) Chỉ số nội dung “Cung ứng dịch vụ công”

Nội dung thành phần	Y tế công lập (2.5đ)		Giáo dục tiểu học (2.5đ)		Hạ tầng căn bản (2.5đ)		An ninh, trật tự (2.5đ)		Điểm tổng (10đ)		
	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Xếp thứ
6	1.87	4	1.62	3	2.00	3	1.44	3	6.93	3	46

Chỉ số nội dung này đo lường mức độ hiệu quả cung ứng 4 dịch vụ công căn bản cho người dân, thuộc trong nhóm các chỉ tiêu của Mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Việt Nam. Chỉ số nội dung này Hà Nội được xác định trong nhóm 3, xếp thứ 46/63 tỉnh, thành. Chia thành 4 nội dung thành phần:

- “*Dịch vụ Y tế công lập*” cho biết tỷ lệ người dân có bảo hiểm Y tế, người dân đánh giá tác dụng của BHYT, người dân đánh giá chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, tỷ lệ người nghèo được hỗ trợ mua BHYT, tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi

được miễn phí khám chữa bệnh; đánh giá chất lượng bệnh viện tuyến huyện. Đối với chỉ số nội dung này, Hà Nội được đánh giá ở mức 4, thấp nhất.

- “*Giáo dục tiểu học*” cho biết đánh giá của người dân về chất lượng dạy học của trường tiểu học công lập, quãng đường từ nhà đến trường, chất lượng trường lớp cấp tiểu học. Đối với chỉ số nội dung này, Hà Nội được đánh giá ở mức 3.

- “*Cơ sở hạ tầng căn bản*” cho biết tỷ lệ người dân đã được dùng điện lưới, tỷ lệ người dân không bị cắt cúp điện trong 12 tháng qua, chất lượng đường giao thông ở địa phương, chất lượng thu gom rác thải, chất lượng nước máy dùng để ăn và sinh hoạt. Đối với chỉ số nội dung này, Hà Nội được đánh giá ở mức 3.

- “*An ninh trật tự*” phản ánh đánh giá của người dân về mức độ an toàn ở địa bàn, có sự chuyển biến tốt về an ninh trong 3 năm gần đây, tỷ lệ người dân đã từng là nạn nhân của tội phạm an ninh trật tự, mức độ an toàn khi ra đường vào ban ngày, ban đêm. Đối với chỉ số nội dung này, Hà Nội được đánh giá ở mức 3.

(7) Chỉ số nội dung “Quản trị môi trường”

Nội dung thành phần	<i>Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường (3.33đ)</i>		<i>Chất lượng không khí (3.33đ)</i>		<i>Chất lượng nước (3.33đ)</i>		<i>Điểm tổng (10đ)</i>		
	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Xếp thứ
7	1,49	4	1.69	4	0.40	4	3,58	4	62

Chỉ số nội dung này bắt đầu được đưa vào Chỉ số PAPI năm 2018, nhằm nắm bắt đánh giá của người dân về 2 vấn đề môi trường tác động trực tiếp tới sức khỏe người dân: chất lượng nguồn nước sinh hoạt, chất lượng không khí; giúp chính quyền hiểu rõ hơn mối quan ngại về vấn đề môi trường của người dân, giúp chính quyền xác định những điểm nóng về môi trường và tìm các giải pháp xử lý kịp thời. Chỉ số nội dung này Hà Nội bị đánh giá thấp nhất xxdeps thứ 62/63 tỉnh, thành. Chia làm 3 nội dung thành phần:

- “*Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường*” cho biết tỷ lệ doanh nghiệp địa phương không đưa hối lộ để trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ môi trường. Nội dung này Hà Nội được đánh giá ở mức 4, thấp nhất.

- “*Chất lượng không khí*” cho biết tỷ lệ người dân phải đeo khẩu trang khi ra đường, đánh giá của người dân về chất lượng không khí, đánh giá của người dân về việc chất lượng không khí được cải thiện trong 3 năm gần đây. Nội dung này Hà Nội được đánh giá ở mức 4, thấp nhất.

- “*Chất lượng nước*” đánh giá chất lượng nước ở các sông, kênh rạch đủ sạch để có thể bơi lội, giặt giũ, uống. Nội dung này Hà Nội được đánh giá ở mức 4, thấp nhất.

(8) Chỉ số nội dung "Quản trị điện tử"

Nội dung thành phần	Sử dụng cổng thông tin điện tử (5.00đ)		Tiếp cận và sử dụng Internet (5.00đ)		Điểm tổng (10đ)		
	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Đ	Nhóm	Xếp thứ
8	0,60	2	2,72	2	3,32	2	18

Chỉ số nội dung này bắt đầu được đưa vào Chỉ số PAPI năm 2018, cho biết đánh giá của người dân về 2 khía cạnh mang tính tương tác của chính phủ điện tử. Hà Nội được đánh giá khá cao trong nội dung này, đứng thứ 18/63 tỉnh, thành, trong nhóm 2. Chia thành 2 nội dung thành phần:

- "*Tiếp cận cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương*" cho biết tỷ lệ người dân đã khai thác từ cổng thông tin điện tử các mẫu giấy tờ khi thực hiện TTHC chứng thực, xác nhận; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy cấp phép xây dựng. Nội dung này Hà Nội được đánh giá ở mức 2 khá cao.

- "*Sử dụng Internet tại địa phương*" cho biết tỷ lệ người dân tiếp cận tin tức trong nước qua Internet, tỷ lệ nhà dân có kết nối Internet. Nội dung này Hà Nội được đánh giá ở mức 2 khá cao.

3.1.3. Các vấn đề đặt ra của chỉ số PAPI năm 2018

(1) Chính quyền cơ sở cần nỗ lực hơn nữa, tập trung cải thiện nhằm huy động sự tham gia rộng rãi của người dân: tạo cơ hội tham gia bầu cử bình đẳng; thông tin một cách đầy đủ và minh bạch về tiến trình và kết quả bầu cử; tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri rộng rãi, thực chất, dân chủ hơn; tạo cơ hội cho mọi người tham gia thảo luận, theo dõi, giám sát việc xây mới hoặc tu sửa các công trình công cộng diễn ra ở địa bàn.

(2) Cần đẩy mạnh công khai, minh bạch, đảm bảo việc tiếp cận dễ dàng hơn và cung cấp kịp thời đầy đủ thông tin hữu ích, đáng tin cậy cho người dân; thực hiện nghiêm túc quy định công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo cập nhật khung giá bồi thường theo thị trường và ý kiến góp ý của công dân.

(3) Chính quyền cơ sở cần cải thiện hơn nữa trách nhiệm giải trình với người dân; ngoài các cuộc tiếp xúc cử tri theo định kỳ, các cấp chính quyền cần thực hiện nhiều các cuộc tiếp xúc không định kỳ để biết và giải quyết sớm nhiều vấn đề bức xúc còn trong dân; cởi mở hơn để tiếp nhận các khuyến nghị, khiếu nại, tố cáo cũng như sớm giải đáp thỏa đáng bức xúc từ người dân, cải thiện niềm tin của người dân vào các cơ chế tiếp nhận khiếu nại, tố cáo hiện có; tăng cường hiệu quả hoạt động của Tòa án địa phương trong giải quyết các tranh chấp dân sự cho người dân.

(4) Người dân đã đánh giá chính quyền Hà Nội có quyết tâm phòng chống tham nhũng, tuy nhiên vẫn còn tồn tại tình trạng những nhiễu trong cung cấp dịch vụ hành chính (giải quyết TTHC), làm dụng công quỹ và đặc biệt trong tuyển dụng nhân lực vào bộ máy nhà nước.

(5) Chất lượng cung ứng thủ tục hành chính công được người dân ghi nhận, đánh giá cao, cho thấy những nỗ lực rõ nét của chính quyền trong cải cách thủ tục hành chính. Trong đó cũng cần phải tập trung cải thiện hơn nữa chất lượng giải quyết TTHC ở cấp xã.

(6) Cung ứng dịch vụ công tại Hà Nội được người dân đánh giá mức thấp và trung bình thấp, cho thấy Thành phố cần phải nỗ lực hơn nữa để cải thiện chất lượng dịch vụ công, giải quyết các vấn đề an ninh trật tự ở các khu dân cư; nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân.

(7) Người dân không hài lòng về chất lượng môi sinh và hiệu quả quản trị môi trường; lo ngại về chất lượng không khí, nguồn nước sinh hoạt, vấn đề rác thải và mức độ nghiêm túc của chính quyền trong việc đảm bảo sự tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường của doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn. Điều này đặt ra cho chính quyền Thành phố cần có những giải pháp tích cực hơn nữa để cải thiện vấn đề ô nhiễm không khí, nước, môi trường của Thủ đô.

(8) Trong mục tiêu hướng tới xây dựng chính quyền điện tử, thành phố thông minh vào năm 2020, vẫn còn tồn tại một khoảng cách khá xa giữa những mục tiêu, kỳ vọng với thực tế những điều kiện hiện có để có thể có sự tương tác giữa chính quyền và người dân. Đặt ra cho chính quyền cần cải thiện và tăng cường phổ biến công thông tin điện tử, giới thiệu các dịch vụ công trực tuyến tới người dân, có các giải pháp hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến thuận lợi; chủ động tương tác với người dân qua môi trường mạng Internet trong cả 3 khâu xây dựng, thực thi và giám sát thực thi chính sách.

3.2. Về một số chỉ số thành phần PCI giảm điểm và xếp hạng thấp

Theo công bố của VCCI, năm 2018 Hà Nội nằm trong top 10 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành kinh tế xuất sắc nhất. Chỉ số PCI năm 2018 đạt 65,4 điểm (tăng 0,69 điểm so với năm 2017); xếp thứ 9/63, tăng 4 bậc so với năm 2017, tăng 42 bậc so với năm 2012. Như vậy, trong 6 năm từ 2012 đến 2018, Chỉ số PCI của Hà Nội tăng bậc liên tiếp. Kết quả các chỉ số thành phần của Chỉ số PCI như sau:

3.2.1. Các chỉ số thành phần tăng hạng

Theo kết quả PCI năm 2017, Hà Nội 06 chỉ số có xếp hạng thấp từ số 55 đến 62 năm 2017. Năm 2018, 06 chỉ số này đều tăng điểm (cải thiện so với chính mình), trong đó có 05 chỉ số tăng hạng (cải thiện so với các tỉnh, thành phố khác) và 01 chỉ số giảm hạng (cải thiện so với mình nhưng chưa vượt qua được các tỉnh, thành phố khác). Đây cũng là 05 chỉ số tăng hạng của Hà Nội năm 2018. Chỉ số tăng bậc bút phá là Chỉ số gia nhập thị trường, tăng 56 bậc và Chỉ số tăng bậc ít nhất là Chỉ số “Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự” xếp thứ 58, tăng 1 bậc. Chỉ số Tiếp cận đất đai” luôn là Chỉ số có xếp hạng rất thấp, được coi là rất khó cải thiện với đặc thù của Thành phố đã có sự chuyển biến tốt, tăng 7 bậc trong 2 năm. Đây là những Chỉ số được sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của Lãnh đạo Thành phố, và các cơ quan đầu mối chủ trì thực hiện, theo dõi Chỉ số cũng quyết tâm trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ. Sở Kế hoạch và

Đầu tư đã triển khai việc đăng ký kinh doanh qua mạng 100% và thực hiện Mô hình Cơ quan Đăng ký kinh doanh thân thiện; tích hợp 4 tiện ích (tiếp cận theo đánh giá thông lệ thế giới) (mở tài khoản ngân hàng, nhận và trả kết quả TTHC qua bưu chính, cấp biên lai điện tử, đăng ký dấu cho doanh nghiệp); UBND Thành phố có Văn bản Chỉ đạo riêng về các giải pháp khắc phục Chỉ số tiếp cận đất đai, hàng năm báo cáo Thường trực Thành ủy về các nhiệm vụ đã triển khai. Chỉ số “Chi phí không chính thức” xếp thứ 43, tăng 12 bậc, đây cũng là xếp hạng cao nhất từ trước đến nay của Chỉ số này. Chỉ số “Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh, thành phố” xếp thứ 57, tăng 5 bậc.

3.2.2. Các chỉ số thành phần giảm hạng

- Có 02 Chỉ số thành phần có truyền thống xếp hạng tốt vẫn trong top 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu nhưng giảm hạng so với năm 2017: Chỉ số Đào tạo lao động xếp thứ 4/63, giảm 2 bậc; Chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp xếp thứ 5/63, giảm 3 bậc so với năm 2017 (2017, 2 chỉ số này đều xếp thứ 2/63).

+ *Chỉ số “đào tạo lao động”*: Các chỉ tiêu về dịch vụ giới thiệu việc làm đều giảm xếp hạng, làm giảm xếp hạng của Chỉ số thành phần này. Cụ thể như sau: Chỉ tiêu doanh nghiệp từng sử dụng dịch vụ Giới thiệu việc làm (GTVL) tại tỉnh giảm 14 bậc; Chỉ tiêu doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ GTVL giảm 18 bậc; Chỉ tiêu Phần trăm tổng chi phí kinh doanh cho Tuyển dụng lao động (%) giảm 7 bậc; Chỉ tiêu Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Đào tạo lao động giảm 7 bậc. Các chỉ tiêu này chủ yếu do thị trường lao động quyết định.

+ *Chỉ số “dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp”*: PCI khảo sát dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp theo 6 nhóm chính: dịch vụ tìm kiếm thông tin kinh doanh, dịch vụ tư vấn pháp luật, dịch vụ xúc tiến thương mại, dịch vụ hỗ trợ tìm đối tác kinh doanh, dịch vụ liên quan đến công nghệ, dịch vụ đào tạo về tài chính kế toán. Bức tranh chung là các dịch vụ này của Hà Nội vẫn xếp hạng ở top đầu, top khá so với cả nước nhưng tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp giảm so với năm trước theo các mức độ khác nhau. Giảm hạng nhiều nhất là dịch vụ liên quan đến xúc tiến thương mại; tiếp đến là dịch vụ tài chính, kế toán; tiếp theo khoa học và công nghệ; tiếp đến là dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường, cuối cùng là dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh. Các chỉ tiêu này chủ yếu do thị trường dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp quyết định.

- 02 chỉ tiêu năm trước có sự cải thiện mạnh, năm 2018 lại giảm sút về xếp hạng: Chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” xếp thứ 55, giảm 18 bậc; Chỉ số “Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước” xếp thứ 22, giảm 7 bậc.

+ Các chỉ tiêu làm cho Chỉ số “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin” giảm điểm là: Việc tiếp cận các tài liệu quy hoạch, tài liệu pháp lý khó khăn hơn. Các chỉ tiêu đánh giá vấn đề này trong những năm trước là khá tốt, nhưng năm nay giảm sút. Chỉ tiêu Tiếp cận tài liệu quy hoạch xếp thứ 60/63; Chỉ tiêu Tiếp cận tài liệu pháp lý xếp thứ 53/63; Tỷ lệ doanh nghiệp nhận được thông tin phản hồi sau khi có văn bản đề nghị cơ quan nhà nước giảm 25% so với năm trước, giảm 26 bậc, xếp thứ 60/63; Chỉ có 4% doanh nghiệp dự liệu được việc thực thi của

tính đối với quy định pháp luật của Trung ương, giảm 15 bậc; Vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp trong việc xây dựng chính sách, quy định của tỉnh cũng giảm sút, giảm 11 bậc; Các chỉ tiêu về website của tỉnh cũng giảm xếp hạng: về chất lượng của website (giảm 7 bậc) và tỷ lệ doanh nghiệp truy cập vào website (giảm 9 bậc). Các chỉ tiêu của Chỉ số thành phần này liên quan đến trách nhiệm của các tất cả các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã, các Hiệp hội doanh nghiệp của Thành phố.

+ Chỉ số “ Chi phí thời gian” xếp hạng thấp do một số chỉ tiêu Hà Nội xếp hạng thấp so với cả nước là: “Cán bộ công chức thân thiện” xếp thứ 62/63; “Thủ tục giấy tờ đơn giản” xếp thứ 60/63, “CBCC giải quyết công việc hiệu quả” xếp thứ 55/63; “doanh nghiệp không phải đi lại nhiều lần để giải quyết hồ sơ” xếp thứ 59/63. Các chỉ tiêu của Chỉ số thành phần này liên quan đến trách nhiệm của các tất cả các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã.

- Có 01 chỉ số - Chỉ số Môi trường cạnh tranh bình đẳng là Chỉ số xếp hạng thấp, có cải thiện về điểm số (tăng 0,41 điểm) nhưng vẫn giảm thứ bậc xếp hạng (giảm 4 bậc), xếp thứ 62/63. Năm nay, các chỉ tiêu thành phần liên quan đến những ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước (trong tiếp cận đất đai, tiếp cận các khoản vay, cấp phép khai thác khoáng sản, thủ tục hành chính) đều có giảm bậc so với năm trước. 81% doanh nghiệp cho rằng “các nguồn lực kinh doanh như đất đai, hợp đồng,... chủ yếu rơi và doanh nghiệp thân quen cán bộ công quyền”, chỉ tiêu này xếp hạng 63/63. Các chỉ tiêu này liên quan đến trách nhiệm của các tất cả các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã.

3.3.3. Những biện pháp khắc phục các chỉ số có xếp hạng thấp và các chỉ số giảm hạng

Đề Hà Nội giữ vững kết quả Chỉ số PCI thuộc top 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; Chỉ số PCI năm 2019 đạt điểm số và xếp hạng tăng so với năm 2018; thực hiện tốt Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021, Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 27/03/2019 về tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và Chỉ số số 10/CT-UBND ngày 19/6/2019 về việc nâng cao. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã để triển khai các giải pháp khắc phục các chỉ số thành phần, chỉ tiêu có xu hướng giảm hạng, có xếp hạng thấp; duy trì và cải thiện các chỉ số thành phần, chỉ tiêu có xếp hạng tốt.

II. BÁO CÁO THẨM TRA CỦA BAN ĐÔ THỊ

1. Báo cáo bổ sung rõ hơn về kết quả, hạn chế, nguyên nhân, giải pháp và khả năng hoàn thành trong 6 tháng cuối năm 2019 đối với chỉ tiêu "Tỷ lệ các cụm công nghiệp đang hoạt động chưa có trạm xử lý nước thải".

1.1. Hiện trạng hệ thống xử lý nước thải trong các cụm công nghiệp

- Hiện nay, trên địa bàn Thành phố có 43 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động ổn định, trong đó có 21 cụm công nghiệp đã có trạm xử lý nước thải (09

cụm công nghiệp do Chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng, 12/15 cụm công nghiệp thuộc Đề án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2015); 4 cụm công nghiệp đang đầu tư xây dựng (3 CCN thuộc Đề án giai đoạn 2014-2015 và CCN Liên Hà - Đông Anh) và 18 cụm công nghiệp chưa đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải (XLNT).

- Để hoàn thành chỉ tiêu kinh tế- xã hội đề ra, UBND Thành phố đã chấp thuận chủ trương giao Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Phú Điền lập hồ sơ đề xuất Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo nguyên tắc như sau:

- Đối với các cụm công nghiệp chưa được đầu tư xây dựng trạm XLNT và không có quỹ đất để xây dựng trạm XLNT thì nước thải phát sinh sẽ được đầu nối, thu gom về trạm XLNT hiện có (của những CCN đã được đầu tư xây dựng trạm XLNT) ở nơi gần nhất; hoặc ghép với các cụm công nghiệp chưa được đầu tư trạm XLNT nhưng có quy hoạch diện tích đất xây dựng trạm XLNT;

- Đối với các cụm công nghiệp chưa được đầu tư xây dựng trạm XLNT mà không ở gần với vị trí của các trạm XLNT sẵn có thì bố trí ghép thành các nhóm, trong đó các cụm công nghiệp có khoảng cách gần nhau thì được thu gom nước thải về xử lý tập trung tại 01 điểm nhằm tiết kiệm quỹ đất và chi phí;

- Đối với các cụm công nghiệp còn lại không thuộc hai trường hợp nêu trên thì đề xuất thực hiện như sau:

+ Trường hợp không có quỹ đất để xây dựng trạm XLNT thì sẽ được lắp đặt những modul có công suất nhỏ gọn tại các khu vực công cộng (các quỹ đất xen kẹt trong CCN);

+ Trường hợp đã được bố trí quỹ đất để xây dựng trạm XLNT thì sẽ được nghiên cứu đầu tư xây dựng trạm XLNT tại quỹ đất đã được bố trí hoặc xem xét lắp đặt modul.

+ Đầu tư bổ sung một số trang thiết bị để nâng cao chất lượng công tác vận hành của các trạm XLNT theo hướng tăng khả năng tự động hoá nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát chặt chẽ hiệu quả hoạt động;

+ Thực hiện quản lý vận hành theo nhóm trên nguyên tắc những trạm XLNT ở những vị trí địa lý gần nhau sẽ có chung bộ máy quản lý, đối với những trạm XLNT nằm ở vị trí riêng biệt không thể quản lý vận hành theo nhóm sẽ được bố trí bộ phận quản lý vận hành riêng.

1.2. Kết quả thực hiện Đề án, dự án đầu tư xây dựng các trạm xử lý nước thải:

- Đến nay, Tỷ lệ xử lý nước thải đối với cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động được 26/43 cụm, đạt 60,5%.

- Đã chỉ đạo Sở Xây dựng, Sở Công thương và các đơn vị liên quan tổ chức họp và kiểm tra hiện trường đề đôn đốc các chủ đầu tư các Cụm công nghiệp thực hiện đúng tiến độ cam kết về đầu tư xây dựng các trạm xử lý nước thải. Đối với các cụm CCN Ngọc Sơn- huyện Chương Mỹ, Phú Thịnh- TX Sơn Tây, Liên

Hà- huyện Đông Anh. Đến nay, 03 cụm CN trên cơ bản đã hoàn thành công tác đầu tư xây dựng chuẩn bị đưa vào vận hành các trạm XLNT.

- Ngày 18/10/2018, Liên ngành: Tài Chính- Xây Dựng đã có Tờ trình số 7239/TTrLN:STC-SXD đề nghị phê duyệt giá dịch vụ xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố mức giá dịch vụ xử lý nước thải (chưa bao gồm khấu hao TSCĐ và chi phí duy trì hệ thống quan trắc) tối đa 7.500 đồng/m³ (đã bao gồm VAT) để áp dụng cho 31 cụm công nghiệp theo đề xuất của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Phú Điền; phương thức thực hiện, phương thức thu giá dịch vụ.

- Ngày 01/11/2018, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Phú Điền có Văn bản số 430/CV-PĐ về việc xin chủ trương đầu tư xây dựng Trạm XLNT tại Cụm Công nghiệp Yên Nghĩa- quận Hà Đông bằng modul linh hoạt, dễ lắp đặt; theo hình thức xã hội hóa bằng vốn tự có của Nhà đầu tư, thu hồi vốn thông qua thu tiền xử lý nước thải của các doanh nghiệp đang hoạt động trong cụm CN Yên Nghĩa. Đến nay đã hoàn thành công tác xây dựng trạm xử lý nước thải chuẩn bị đưa vào vận hành.

- UBND Thành phố đã có các Thông báo số: 923/TB-UBND ngày 26/9/2018, số 960/TB-UBND ngày 02/10/2018 và 374/TB-UBND ngày 20/11/2018 giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp cùng Sở Xây dựng, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan kiểm tra kỹ, rà soát căn cứ pháp lý để thống nhất đề xuất cụ thể cơ chế giá, phương thức thu giá dịch vụ XLNT cụm công nghiệp.

- Đề xuất dự án ĐTXD XLNT các cụm CN đã được các sở ngành tham gia ý kiến, hiện đang được Sở KH&ĐT hướng dẫn Công ty Phú Điền hoàn thiện.

- Báo cáo của Sở Tài chính đề xuất cơ chế tài chính: UBND cấp huyện chỉ đạo Ban QLDA quản lý vận hành các Cụm công nghiệp hoặc UBND cấp xã (đối với trường hợp Cụm công nghiệp chưa có Ban QL) chủ trì phối hợp với Chủ đầu tư được giao đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống XLNT Cụm công nghiệp tổ chức thu giá dịch vụ XLNT của các doanh nghiệp, hộ dân xả thải để thanh toán chi phí XLNT.

Ngày 17/5/2019, Sở Tài chính đã có văn bản số 3136/STC-QLG báo cáo kiến nghị UBND Thành phố cơ sở tính toán mức giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hút các Nhà đầu tư.

1.3. Các giải pháp sau cần triển khai

Để hoàn thành chỉ tiêu tỷ lệ cụm công nghiệp có trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng đối với cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động là 100%, cần thực hiện các giải pháp sau:

- Đề xuất dự án thực hiện theo hình thức XHH để kêu gọi đầu tư. Việc lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện công khai theo quy định. Phương án tài chính đề xuất: Nhà đầu tư đề xuất sẽ ký hợp đồng đặt hàng với thành phố; BQLDA các CCN tổ chức thực hiện thu giá dịch vụ thoát nước đối với các cơ sở sản xuất trong CCN do mình quản lý.

- Nhà đầu tư cho rằng việc Nhà đầu tư phải thu phí trực tiếp từ các doanh nghiệp trong CCN là rất khó thực hiện vì không có chế tài để thu phí (Phương án này đang mâu thuẫn với báo cáo đề xuất của Sở Tài chính ở trên)

- Sau khi giải quyết được cơ chế tài chính cho Dự án, Sở Xây dựng phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn, đôn đốc Nhà đầu tư hoàn thành mục tiêu năm 2020.

2. Báo cáo bổ sung rõ hơn về kết quả, hạn chế, nguyên nhân, giải pháp và khả năng hoàn thành trong 6 tháng cuối năm 2019 đối với chỉ tiêu "Cung cấp nước sạch khu vực nông thôn".

2.1. Những kết quả đạt được về công tác cấp nước sạch

2.1.1. Về nguồn cấp

Trong năm 2018 đã có 04 dự án cấp nguồn hoàn thành () với công suất tăng thêm khoảng 335.000m³/ngđ, Nâng tổng công suất nguồn cấp nước từ các nhà máy nước tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay đạt khoảng 1.370.000m³/ngđ, trong khi nhu cầu sử dụng bình quân hiện nay là khoảng 1.100.000÷1.200.000m³/ngđ (thời gian cao điểm nắng nóng đầu hè vừa qua nhu cầu sử dụng nước ngày cao điểm là khoảng 1.160.000m³/ngđ), do đó với nguồn cấp hiện nay là cơ bản đáp ứng nhu cầu dùng nước của nhân dân với chỉ tiêu khoảng 100÷150 l/người/ngày. Ngoài ra còn có các trạm cấp nước cục bộ cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn.

2.1.2. Về mạng lưới cấp nước

a. Khu vực đô thị và khu vực nông thôn thuộc các huyện ven đô:

Việc cung cấp dịch vụ cấp nước cho khu vực đô thị và các xã ven đô hiện nay chủ yếu do các Công ty: (TNHH MTV nước sạch Hà Nội; Cổ phần nước sạch số 2 Hà Nội; Cổ phần sản xuất và kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội; Cổ phần Viwaco; TNHH MTV nước sạch Hà Đông) thực hiện; tỷ lệ số người dân khu vực đô thị được cung cấp nước sạch cơ bản đạt gần 100% (do hiện nay một số khách hàng mới tại các khu đô thị tiếp tục có nhu cầu đầu nối bổ sung...); tỷ lệ nước thất thoát thất thu chung trên hệ thống cấp nước tập trung là khoảng dưới 18%.

b. Khu vực nông thôn:

- Năm 2018 hệ thống cấp nước sạch nông thôn đáp ứng khả năng cấp nước cho trên 55,5% người dân ở khu vực nông thôn.

- Sau 6 tháng đầu năm 2019, một số dự án phát triển mạng hoàn thành, nâng tỷ lệ số người dân được cấp nước sạch khu vực nông thôn tăng lên khoảng trên 57,3% (Phụ lục đính kèm), tăng 1,8% so với 2018, với khoảng 20.000 hộ dân tại các dự án: Cấp nước cho 04 xã Tiên Phong, Tráng Việt, Mê Linh và Đại Thịnh thuộc huyện Mê Linh ; 03 xã: Tả Thanh Oai, Hữu Hòa, Tam Hiệp, huyện Thanh Trì ; Đầu nối bổ sung nguồn nước cho dự án cấp nước 14 xã và 01 thị trấn của huyện Hoài Đức; Triển khai mạng cấp nước cho 02 xã (Trung Mậu, Văn Đức) huyện Gia Lâm ; đầu nối bổ sung cấp nước cho 03 xã huyện Ba Vì...

2.2. Nguyên nhân, hạn chế

Sau 6 tháng đầu năm 2019, tỷ lệ số người dân nông thôn được sử dụng nước sạch tăng lên khoảng 57,3% (tăng 1,8%) so với mục tiêu Kế hoạch 2019 là tăng 13% (đạt 13,33% kế hoạch) là do một số nguyên nhân :

- Các dự án do Công ty cổ phần nước Aqua One và Công ty cổ phần nước mặt sông Đuống thực hiện được 125 xã (khoảng 298.700 hộ, 1.194.800 người). Tuy nhiên, đến nay Nhà đầu tư mới đang triển khai thực hiện tại 02/125 xã là (xã Trung Mậu và Văn Đức, huyện Gia Lâm), Nhà đầu tư đang tập trung triển khai Dự án phát triển nguồn và tuyến ống truyền dẫn nên việc triển khai phát triển mạng phân phối, dịch vụ chậm.

- Dự án cấp nước cho 28 đơn vị hành chính huyện Phú Xuyên và vùng phục cận do Công ty Cổ phần cấp nước Hà Nam triển khai thực hiện, nhưng tỷ lệ số người dân đăng ký đầu nối thấp (chỉ đạt khoảng 28%).

- Giá bán nước sạch sinh hoạt theo Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 với 10m³ đầu là 5.973 đồng/m³; 10÷20m³ là 7.052 đ/m³; 20÷30m³ là 8.679 đồng/m³; Trên 30m³ là 15.929 đồng/m³. Trong khi giá mua buôn nước sạch sông Đà hiện nay là 5.069,76 đồng/m³, và người dân khu vực nông thôn cơ bản sử dụng với khối lượng khoảng 10m³/tháng do đó tiền thu nước không đủ bù đắp chi phí quản lý vận hành, khấu hao... dẫn tới việc triển khai dự án cấp nước nông thôn chậm.

- Một số dự án nước sạch nông thôn đã được UBND Thành phố giao Nhà đầu tư nhưng đến nay Nhà đầu tư không triển khai thực hiện như: Dự án Trạm cấp nước thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức; Dự án cấp nước cho 03 xã (Xuân Phú, Vân Nam, Vân Phúc, huyện Phúc Thọ; Xây dựng hệ thống cấp nước 2 xã Long Xuyên, Thượng Cốc, huyện Phúc Thọ...

- Dự án cấp nước cho 12 xã Mê Linh do Công ty cổ phần cấp nước Mê Linh, đang triển khai nhà máy và mạng truyền dẫn, phân phối, dự kiến cuối 2019 đầu nối nguồn.

2.3. Giải pháp và khả năng hoàn thành chỉ tiêu 6 tháng cuối năm 2019

Để hoàn thành chỉ tiêu về nước sạch năm 2019 theo kế hoạch đề ra. UBND Thành phố đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 01/3/2019 về việc tăng cường chỉ đạo để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố trong năm 2019,

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, huy động mọi nguồn lực thực hiện hoàn thành đúng tiến độ các dự án nguồn; các dự án phát triển mạng, tuyên truyền vận động nhân dân đăng ký đầu nối sử dụng nước sạch khu vực nông thôn nhằm mở rộng cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn.

- Các Nhà đầu tư : Tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ các dự án phát triển mạng khu vực nông thôn hoàn thành trong năm 2019.

- Các Sở ngành:

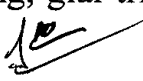
- + Tăng cường kiểm tra, đôn đốc các Chủ đầu tư các dự án, công trình trên địa bàn Thành phố, báo cáo Thành phố nếu vượt thẩm quyền;

+ Đôn đốc triển khai các dự án cấp bách và các dự án ưu tiên theo quy hoạch cấp nước đảm bảo cho các năm tiếp theo.

+ Tổng hợp báo cáo UBND Thành phố: Điều chỉnh giá nước phù hợp với điều kiện thực tế, khuyến khích nhà đầu tư triển khai dự án nước sạch nông thôn; các đơn vị cấp nguồn giảm giá bán buôn nước sạch cho khu vực nông thôn...

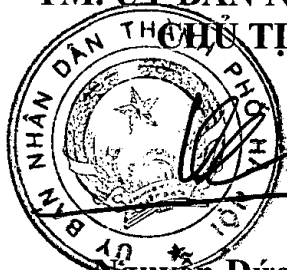
+ Đề xuất thu hồi các dự án chậm tiến độ, không thực hiện... chuyển giao Nhà đầu tư để triển khai dự án hoàn thành theo kế hoạch.

- UBND các huyện, thị xã Sơn Tây: Tuyên truyền vận động người dân khu vực nông thôn đầu nối cấp nước vào nhà đạt 100%; Tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn cho các nhà đầu tư phát triển mạng về mặt bằng, đầu nước vào nhà; Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát chất lượng công trình theo phân cấp. (Chi tiết số liệu tại các phụ lục 1, 2, 3 kèm theo)

Trên đây là báo cáo bổ sung, giải trình của UBND Thành phố, kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- VPUB: CVP, các PCVP; Các phòng:
TH, KT, TKBT, KGVX, ĐT;
- Lưu: VT, KT_{Hà}. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH 

Nguyễn Đức Chung

Phụ lục 1
Công suất các Nhà máy nước dự kiến sản xuất nước năm 2019

STT	Các nhà máy sản xuất nước	Công suất thiết kế (m ³ /ngđ)	Công suất khai thác thực tế (m ³ /ngđ)	Dự kiến khai thác hè 2019	Ghi chú
I	Nguồn nước sạch Hà Nội	792.600	670.200	670.200	
1	Nhà máy nước Yên Phụ	100.000	82.000	82.000	
2	Nhà máy nước Ngô Sĩ Liên	60.000	45.000	45.000	
3	Nhà máy nước Mai Dịch	60.000	50.000	50.000	
4	Nhà máy nước Trung Mai	30.000	21.000	21.000	Dự kiến giảm sản lượng
5	Nhà máy nước Pháp Vân	30.000	21.000	21.000	Dự kiến giảm sản lượng
6	Nhà máy nước Hạ Đình	30.000	25.000	25.000	Dự kiến giảm sản lượng
7	Nhà máy nước Ngọc Hà	30.000	27.000	27.000	
8	Nhà máy nước Lương Yên	50.000	40.000	40.000	
9	Nhà máy nước Cáo Đình	60.000	51.500	51.500	
10	Nhà máy nước Nam Dư	60.000	53.000	53.000	
11	Nhà máy nước Gia Lâm	60.000	45.000	45.000	
12	Nhà máy nước Bắc Thăng Long- Vân Trì	150.000	150.000	150.000	nước mặt
13	14 trạm sản xuất nước cục bộ (Vân Đồn, Quỳnh Mai...)	72.600	59.700	59.700	
II	Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông	82.000	80.000	80.000	
1	Nhà máy nước Hà Đông cơ sở 1	22.000	20.000	20.000	
2	Nhà máy nước Hà Đông cơ sở 2	30.000	30.000	30.000	
II	Nhà máy nước Sơn Tây (gồm Sơn Tây I+II)	30.000	27.000	30.000	
IV	Nhà máy nước mặt sông Đà	300.000	249.254	290.000	
1	Cấp cho nước sạch Hà Nội			10.000	
2	Cấp cho Viwaco		180.000	210.000	
3	Cấp cho nước sạch Hà Đông		38.132	40.000	
4	Các khách hàng khác		31.122	30.000	
V	Công ty cổ phần Viwaco (trạm Văn Điển)	6.000	5.000	5.000	
VI	Nhà máy nước mặt sông Đuống	150.000	70.000	150.000	
	Tổng cộng (I-V):	1.370.600	1.106.454	1.235.200	
	Làm tròn		1.100.000	1.235.000	

Phụ lục 2:
Bảng tổng hợp số liệu cấp nước sạch khu vực nông thôn (các huyện, thị xã)

STT	Quận, huyện, thị xã	Dân số (người)	Tương đương số hộ	Số hộ được cấp nước sạch	Đạt tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Sơn Tây	150.300	35.786	34.175	95,50	
2	Ba Vì	282.600	67.286	38.644	57,43	
3	Chương Mỹ	331.100	78.833	17.480	22,17	
4	Đan Phượng	162.900	38.786	19.410	50,04	
5	Đông Anh	381.500	90.833	56.444	62,14	
6	Gia Lâm	276.300	65.786	54.036	82,14	
7	Hoài Đức	229.400	54.619	45.914	84,06	
8	Mê Linh	226.800	54.000	31.211	57,80	
9	Mỹ Đức	194.400	46.286	15.520	33,53	
10	Phú Xuyên	211.100	50.262	10.907	21,70	
11	Phúc Thọ	182.300	43.405	24.608	56,69	
12	Quốc Oai	188.000	44.762	39.562	88,38	Còn 03 xã là Hòa Thạch, Phú Cát, Đông Yên
13	Sóc Sơn	340.700	81.119	36.426	44,90	
14	Thạch Thất	207.500	49.405	37.202	75,30	còn 09 xã (Cẩm Yên, Đồng Trúc, Hạ Bằng, Lại Thượng, Phú Kim, Tân Xã, Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung)
15	Thanh Oai	205.200	48.857	23.702	48,51	
16	Thanh Trì	256.800	61.143	58.024	94,90	còn 03 xã (Liên Ninh, Ngọc Hồi, Đại Áng)
17	Thường Tín	247.700	58.976	21.783	36,94	
18	Ứng Hòa	204.800	48.762	18.898	38,76	
	Tổng cộng	4.279.400	1.018.905	583.946		

Ab

Phụ lục 3:
Các dự án nước sạch dự kiến thực hiện trong năm 2019

STT	Chủ đầu dự án, phạm vi đầu tư	Quy mô dự án				Tiến độ thực hiện (cấp nước cho các hộ)			Tình hình triển khai
		Số xã	Công suất	Số hộ	dân số (người)	Đã thực hiện 2018	Thực hiện 2019		
							Hộ	người	
1	Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Nội								
	Dự án nâng công suất nhà máy Bắc Thăng Long lên 150.000m3/ngđ cấp nước cho 4 xã Tiên Phong, Tráng Việt, Mê Linh và Đại Thịnh thuộc huyện Mê Linh	4	6000	12000	48000		12000	48000	Đang thực hiện
2	Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Hà Nam								
	Hoàn thành giai đoạn 2 của Dự án Xây dựng hệ thống đường ống cung cấp nước sạch cho 11 xã của huyện Quốc Oai gồm các xã: Hòa Thạch, Phú Cát, Đông Yên (03 xã giai đoạn 2)	11	30000	24000	96000	17000	7000	28000	Đang thực hiện
3	Công ty CP hạ tầng kỹ thuật VTS (CT CP nước sạch Tây Hà Nội - Wadaco)								
	Nối mạng, cấp nước 15 xã, thị trấn: Lại Yên, Song Phương, Tiên Yên, Đắc Sở, Đức Giang, Sơn Đồng, Vân Canh, Đức Thượng, Kim Chung, Di Trạch, Yên Sở, Minh Khai, Dương Liễu, Cát Quế và thị trấn Trạm Trôi, huyện Hoài Đức	15	30000	25200	100800	16000	9200	36800	Đang thực hiện
4	Công ty TNHH cấp nước Sơn Tây								
	Dự án cấp nước cho 2 xã Cổ Đông và Sơn Đồng thị xã Sơn Tây (sử dụng nguồn từ nhà máy nước Sơn Tây)	2	3200	6400	31600	2500	3900	15600	
5	Liên danh Công ty CP Ao Vua và Công ty CP đầu tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường Ba Vì						28167		
	Nhà máy, hệ thống cấp nước sạch nông thôn huyện	7	30.000	20375	81.500	3000	8000	32000	Đang

STT	Chủ đầu dự án, phạm vi đầu tư	Quy mô dự án				Tiến độ thực hiện (cấp nước cho các hộ)			Tình hình triển khai
		Số xã	Công suất	Số hộ	dân số (người)	Đã thực hiện 2018	Thực hiện 2019		
							Hộ	người	
	Ba Vì (các xã Thái Hoà, Đồng Thái, Phú Sơn, Vật Lại, Cẩm Lĩnh, Chu Minh, Đông Quang và một số xã lân cận)								thực hiện
	Cấp nước sinh hoạt cho 4 xã thu hồi đất phục vụ dự án mở rộng nghĩa trang Yên Kỳ gồm các xã Thái Hòa, Phú Sơn, Cẩm Lĩnh, Vật Lại; xã lân cận là xã Đồng Thái và xã Tân Lĩnh bị ảnh hưởng bởi bãi rác khu vực	6	10.900	18167	72.667		10167	40667	Đang thực hiện
	Dự án Nâng cấp, mở rộng nhà máy nước Sông Đà Ba Vì lên 60.000-100.000 m3/ngđ cung cấp nước sạch cho toàn bộ huyện Ba Vì và bổ sung nguồn cấp cho thị xã Sơn Tây, huyện Phúc Thọ	16	60000	35000	140000		10000	40000	Đang thực hiện
6	Công ty cổ phần Viwaco								
	Dự án CN Tả Thanh Oai, Hữu Hòa, Tam Hiệp	3	14500	10700	42800		10700	42800	Đang thực hiện
7	Dự án do Công ty cổ phần nước Aqua One và Công ty cổ phần nước mặt sông Đuống thực hiện	125	255133	298703,3	1194813		77.000	308.000	
7.1	Dự án phát triển mạng lưới phân phối nước sạch cho các xã thuộc huyện Sóc Sơn (18 xã), Đông Anh (9 xã), Gia Lâm (5 xã), Hà Nội	32	107.500	113.358	453.430				
	Huyện Sóc Sơn: 18 xã: Đông Xuân, Phú Minh, Xuân Giang, Đức Hòa, Việt Long, Xuân Thu, Kim Lũ, Thanh Xuân, Hiền Ninh, Phú Cường, Tân Hưng, Bắc Phú, Quang Tiến, Minh Trí, Tân Dân, Trung Giã, Phù Linh, Tân Minh;						10000	40000	Chưa thực hiện
	+ Huyện Đông Anh: 9 xã: Thụy Lâm, Vân Hà, Liên Hà, Việt Hùng, Dục Tú, Cổ Loa, Mai Lâm, Bắc Hồng, Nam Hồng;						30000	120000	Chưa thực hiện
	+ Huyện Gia Lâm: 5 xã: Dương Quang, Kim Sơn,						10000	40000	Chưa

Ab

STT	Chủ đầu dự án, phạm vi đầu tư	Quy mô dự án				Tiến độ thực hiện (cấp nước cho các hộ)			Tình hình triển khai
		Số xã	Công suất	Số hộ	dân số (người)	Đã thực hiện 2018	Thực hiện 2019		
							Hộ	người	
	Lệ Chi, Trung Mậu và Văn Đức;								thực hiện
7.2	Xây dựng hoàn thiện hệ thống mạng lưới phân phối nước sạch cho một các xã Đại Áng, Ngọc Hồi, Liên Ninh thuộc huyện Thanh Trì	3	12.000	10.700	42.800		10000	40000	Chưa thực hiện
7.3	Dự án đầu tư phát triển mạng lưới phân phối nước sạch cho các xã thuộc huyện Thường Tín, Mỹ Đức, Ứng Hòa, Thanh Oai	90	135.633	174.646	698.583				
	+ Huyện Thường Tín: 26 xã: Ninh Sở, Nhị Khê, Duyên Thái, Khánh Hà, Hòa Bình, Hiền Giang, Hồng Vân, Văn Tào, Liên Phương, Tự Nhiên, Tiên Phong, Hà Hồi, Thư Phú, Nguyễn Trãi, Quất Động, Chương Dương, Lê Lợi, Thắng Lợi, Tân Minh, Dũng Tiến, Thống Nhất, Nghiêm Xuyên, Tô Hiệu, Văn Tự, Vạn Điểm, Minh Cường;						10000	40000	Chưa thực hiện
	+ Huyện Mỹ Đức: 20 xã: An Mỹ, An Phú, An Tiến, Bột Xuyên, Đại Hưng, Đốc Tín, Đồng Tâm, Hồng Sơn, Hợp Thanh, Hợp Tiến, Hùng Tiến, Lê Thanh, Mỹ Thành, Phù Lưu Tế, Phúc Lâm, Phùng Xá, Thượng Lâm, Tuy Lai, Vạn Kim, Xuy Xá;								
	+ Huyện Ứng Hòa: 27 xã: Cao Thành, Đại Cường, Đại Hưng, Đội Bình, Đông Lỗ, Đồng Tiến, Đồng Tân, Hoa Sơn, Hòa Lâm, Hòa Nam, Hòa Phú, Hòa Xá, Hồng Quang, Kim Đường, Lưu Hoàng, Minh Đức, Phù Lưu, Phương Tú, Sơn Công, Tào Dương Văn, Trầm Lộng, Trung Tú, Liên Bạt, Trường Thịnh, Vạn Thái, Viên An, Viên Nội;								
	+ Huyện Thanh Oai: 17 xã: Bích Hòa, Bình Minh, Cao Dương, Cao Viên, Dân Hòa, Đỗ Động, Hồng						7000	28000	Chưa thực hiện

STT	Chủ đầu dự án, phạm vi đầu tư	Quy mô dự án				Tiến độ thực hiện (cấp nước cho các hộ)			Tình hình triển khai
		Số xã	Công suất	Số hộ	dân số (người)	Đã thực hiện 2018	Thực hiện 2019		
							Hộ	người	
	Dương, Kim An, Kim Thu, Liên Châu, Mỹ Hưng, Phương Trung, Tân Ước, Thanh Cao, Thanh Mai, Thanh Văn, Xuân Dương								
8	Công ty Cổ phần cấp nước Hà Nam triển khai thực hiện								
	Dự án cấp nước cho 28 đơn vị hành chính huyện Phú Xuyên và vùng phục cận	28	35000	53750	215000	1000	30000	120000	Đang thực hiện
9	Công ty cổ phần cấp nước Mê Linh								
	Dự án Xây dựng Hệ thống cấp nước sạch liên xã: Văn Khê, Hoàng Kim, Thạch Đà, Chu Phan, Tiến Thịnh, Vạn Yên, Liên Mạc, Tự Lập, Tiến Thắng, Thanh Lâm, Tam Đồng, Kim Hoa, huyện Mê Linh	12	25000	30000	120000		15000	60000	Đang xây dựng mạng truyền dẫn
	Tổng cộng	229	499.733	534.295	2.143.180	39.500	221.133	771.867	tương đương 18%